TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HSST
Ngày 12/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Mạnh Cường**
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Thắm**
2/ Bà **Lê Thị Chúc Ngân**
- Thư ký phiên tòa**:** Ông **Hà Văn Tuấn** là Thư ký Tòa án
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Mạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 107/2023/HSST ngày 19 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Minh Đ (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1992 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Số Căn cước công dân: 075092017632 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 23/8/2022; Nghề nghiệp: làm rẫy; Trình độ học vấn: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; giới tính: Nam; Con ông Lê Chí P, sinh năm 1957 và bà Đào Thị H, sinh năm 1972; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh Ph, sinh năm 1991 (đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 73/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai); có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012.

+/ Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 27/7/2022 đến ngày 15/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Văn D (theo bị cáo trình bày tại phiên tòa, bị cáo không có tên gọi khác), sinh năm: 1972 tại tỉnh Quảng Trị; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: ấp 3, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai; Số Căn cước công

dân: 046072015834 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ Công an cấp ngày 28/12/2021; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Con ông Lê Thanh T, sinh năm 1943 và bà Lê Thị X, sinh năm 1942; Bị cáo có vợ là Vòng Thị Xuân H, sinh năm 1976; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2011.

+/ Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Thống Nhất từ ngày 27/7/2022 đến ngày 15/8/2022 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+/ Bị hại:

Anh Nguyễn Đức T, sinh năm: 1999

Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

+/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đào Thị H, sinh năm: 1972

Địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

+/ Người làm chứng:

Ông Lê Văn K, sinh năm: 1969

Địa chỉ: ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

Anh Đoàn Duy Tr, sinh năm: 1997

Địa chỉ: 249 ấp 1, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Anh T, bà H, anh Tr và ông K vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Minh Đ và anh Nguyễn Đức T là bạn bè với nhau, anh T có vay mượn số tiền 14.700.000đ (mười bốn triệu, bảy trăm ngàn đồng) của bị cáo Đ, do nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền nhưng anh T không trả và nhiều lần tránh né bị cáo nên dẫn đến mâu thuẫn giữa hai bên. Vào khoảng 15 giờ 40 phút, ngày 26/7/2022 bị cáo Đ gọi điện thoại cho bị cáo Lê Văn D nhờ chở bị cáo đi mua phân bón. Bị cáo D dùng xe mô tô biển số 60B7-343.97 chở Đ ngồi phía sau, trên đường ĐT 769 thuộc ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai thì hai bị cáo gặp anh Đoàn Duy Tr đang chở anh T bằng xe mô tô. Bị cáo Đ nói D đuổi theo xe của anh Tr và anh T, đến đoạn ngã tư ngay Công ty Đ thì xe của hai bị cáo đuổi kịp xe của anh Tr và anh T, khi đó bị cáo Đ nói anh Tr và anh T dừng xe. Khi anh Tr và anh T dừng lại bên đường thì bị cáo Đ nói bị cáo D dừng xe và đi đến nói chuyện với anh T. Trong qúa trình nói chuyện thì bị cáo Đ dùng

tay đánh vào mặt của anh T 02 cái, dùng tay bẻ quặt tay của anh T ra phía sau và đưa anh T lên xe mô tô của bị cáo D đang đứng chờ. Bị cáo Đ nói bị cáo D chở cả hai về nhà mẹ ruột của mình là bà Đào Thị H ở ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai để hỏi anh T lý do tại sao nhiều lần tránh mặt bị cáo và đến khi nào sẽ trả số tiền còn nợ của bị cáo. Bị cáo D dùng xe mô tô biển số 60B7-343.97chở anh T ngồi giữa, bị cáo Đ ngồi sau khóa hai tay của anh T ra sau chạy về nhà bà H. Tại đây, bị cáo Đ tiếp tục dùng tay đánh vào mặt anh T và giữ tay không cho anh T bỏ chạy. Khoảng 16 giờ cùng ngày ông Lê Văn K cha của anh T được người dân báo việc anh T đang bị bị cáo Đ bắt giữ ở nhà bà H nên đã chạy tới và yêu cầu bị cáo Đ thả anh T ra. Thấy bị cáo Đ không thả anh T mà tiếp tục dùng tay đánh anh T nên ông K đã chạy đi báo Công an xã L đến xử lý. Ngay sau đó, lực lượng Công an xã L đến nhà bà H yêu cầu bị cáo Đ thả anh T, đồng thời tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang về hành vi bắt giữ người trái pháp luật của bị cáo Đ. Đối với bị cáo D sau khi chở bị cáo Đ và anh T về nhà bà H thì bị cáo D đi đánh bóng chuyền, khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày biết hành vi của mình và bị cáo Đ là trái pháp luật nên đã đến Công an xã L để đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp xe mô tô biển số 60B7-343.97.

Quá trình điều tra, các bị cáo Lê Minh Đ và Lê Văn D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

+/ Về dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đức T do không bị thương tích gì nên đã có đơn bãi nại về dân sự và không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự.

+/ Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 60B7-343.97 là tài sản của bà Đào Thị H cho bị cáo D mượn để sử dụng, khi các bị cáo dùng xe mô tô trên thực hiện hành vi phạm tội thì bà H không biết. Do xe mô tô trên có giấy tờ hợp pháp nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu.

Tại Cáo trạng số: 53/VKS-HS ngày 12/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo Lê Minh Đ, Lê Văn D phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất giữ nguyên quan điểm về nội dung vụ án, tội danh, khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo D đã ra đầu thú, bị hại đã có đơn bãi nại và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường dân sự.

Từ những căn cứ trên, áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Minh Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm. Xử phạt bị cáo Lê Văn D từ 01

năm đến 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh Đ và Lê Văn D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo không có ý kiến gì về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát vừa đề nghị đối với các bị cáo và không có ý kiến, tranh luận gì khác.

Bị hại anh Nguyễn Đức T không có ý kiến về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị H không có ý kiến về việc xử lý vật chứng là xe mô tô biển số 60B7-343.97 của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo Đ nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình trái pháp luật, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo D nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn với hành vi của mình, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Minh Đ, Lê Văn D đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ, đủ cơ sở kết luận: Do có mâu thuẫn trong việc vay mượn tiền với bị hại, khi hai bị cáo gặp anh Nguyễn Đức T trên đường ĐT 769 thuộc ấp 2, xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai thì bị cáo Lê Minh Đ đã có hành vi đánh, bẻ quặt tay của anh Nguyễn Đức T ra phía sau và ép anh T lên xe mô tô biển số 60B7-343.97 để bị cáo Lê Văn D chở anh T cùng bị cáo về nhà bà Đào Thị H (mẹ ruột của bị cáo Đ). Tại sân nhà của bà H, bị cáo Đ tiếp tục đánh và giữ tay không cho anh T về, hành vi như trên của bị cáo Đ đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công dân. Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Đ về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Lê Văn D đi theo bị cáo Đ, khi thấy và biết hành vi như trên của bị cáo Đ đối với anh T là trái pháp luật, bị cáo D không can ngăn mà còn tiếp tay, giúp sức cho bị cáo Đ dùng xe mô tô biển số 60B7-343.97 do bị cáo đang sử dụng chở bị cáo Đ và anh T về nhà bà H theo yêu cầu của bị cáo Đ. Hành vi này của bị cáo D thuộc trường hợp đồng phạm nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo D về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật" theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại đã có đơn bãi nại, không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự. Các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo Đ hiện đang nuôi con nhỏ, sau khi phạm tội bị cáo D đã ra đầu thú. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần áp dụng để xem xét cho các bị cáo khi lượng hình.

[4] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, hành vi phạm tội của các bị cáo xuất phát từ suy nghĩ nóng nẩy, bộc phát. Bị cáo Đ có vai trò chính, trực tiếp thực hiện các hành vi trái pháp luật đối với bị hại, bị cáo D là người giúp sức cho bị cáo Đ nên bị cáo Đ phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo D. Do các bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và là lao động duy nhất trong gia đình, bị cáo Đ đang nuôi con nhỏ nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà xử phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định của pháp luật là đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Đức T không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Xét yêu cầu trên của anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng: Xe mô tô biển số 60B7-343.97 là tài sản của bà Đào Thị H cho bị cáo D mượn để sử dụng, khi các bị cáo dùng xe mô tô trên thực hiện hành vi phạm tội thì bà H không biết. Do xe mô tô trên có giấy tờ hợp pháp nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu là có cơ sở. Chủ sở hữu đã nhận lại tài sản và không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Áp dụng Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[2] Tuyên bố: Các bị cáo **Lê Minh Đ, Lê Văn D** phạm tội **"Bắt, giữ người trái pháp luật"**.

[3] Xử phạt: Bị cáo **Lê Minh Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, **nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

[3.1] Giao cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Lê Minh Đ trong thời gian thử thách.

[3.2] Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

[3.3] Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[4] Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn D 01 (một) năm 06 tháng tù**, **nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.**

[4.1] Giao cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai quản lý, giám sát, giáo dục bị cáo Lê Văn D trong thời gian thử thách.

[4.2] Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

[4.3] Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về án phí:

[5.1] Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

[5.2] Buộc các bị cáo Lê Minh Đ, Lê Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai
- Công an tỉnh Đồng Nai (phòng hồ sơ)
- VKSND H.Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- CA h. Thống Nhất;
- Chi cục THA h. Thống Nhất;
- Bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS.

Vũ Mạnh Cường